TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **170**/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 22 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Tr T C**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 02, xã K, thành phố T, tỉnh T

- Bị đơn: Anh **P D T**, sinh năm 1986;

Nơi thường trú: Tổ dân phố QT, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh T.

Nơi tạm trú: Số nhà 26, tổ dân phố 06, phường TQ, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr T C và anh P D T (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08/9/2019 của Uỷ ban nhân dân xã Kim Phú, thành phố T, tỉnh T).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung P K A, sinh ngày 02/02/2020 cho chị Tr T C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P D T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Tr T C và anh P D T đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Tr T C và anh P D T đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Tr T C tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000050, ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T. Hoàn trả lại cho chị Tr T C số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh P D T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã Kim Phú, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang